

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22/10/2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Bà Trần Thị Kim Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PG, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện PG, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PG, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 309/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp 2A, xã PH, huyện PG, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp 2A, xã PH, huyện PG, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản công khai tài liệu chứng cứ và biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Trung H chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã PH, huyện PG, tỉnh Bình Dương vào ngày 20/01/2006, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng không tôn trọng nhau, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, ông H thường hay ghen tuông vô cớ. Ông, bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 4/2019 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trung H.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông, bà có 02 con chung tên Nguyễn Trúc H, sinh ngày 18/7/2006 và Nguyễn T, sinh ngày 03/10/2013. Trong quá trình làm việc tại Tòa án thì bà xin nhường quyền nuôi con chung là Nguyễn T cho ông H nuôi dưỡng, còn con chung Nguyễn Trúc H thì tùy theo nguyện vọng của con, con muốn sống cùng với ai thì bà cũng đồng ý. Tuy nhiên, trong đơn xin vắng mặt Tòa án nhận được ngày 15/9/2019 thì bà có nêu ý kiến là bà muốn được nuôi con chung Nguyễn Trúc H, còn con chung Nguyễn T có nguyện vọng sống cùng ông H thì bà đồng ý cho ông H nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng cho ai nuôi con.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản công khai tài liệu chứng cứ và biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Trung H trình bày:

- Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn ông thống nhất với lời trình bày của bà S. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn thì ông không đồng ý. Ông cho rằng cuộc sống của ông, bà hoàn toàn có hạnh phúc, mâu thuẫn chỉ mới phát sinh mấy tháng nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông nghi ngờ bà S có người đàn ông khác, ông có đánh bà S và bà S bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 4/2019 đến nay và từ đó ông, bà đã sống ly thân với nhau. Từ khi ly thân đến nay thì ông đã nhiều lần yêu cầu bà S quay về nhà chung sống, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng bà S không đồng ý. Nay bà S xin ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì ông còn rất thương vợ thương con, ông mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau, cùng nhau nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông, bà có 02 con chung tên Nguyễn Trúc H, sinh ngày 18/7/2006 và Nguyễn T, sinh ngày 03/10/2013. Ông xin được nuôi con chung Nguyễn T, không yêu cầu bà S phải cấp dưỡng nuôi con. Con chung Nguyễn Trúc H đã lớn nên ông sẽ tôn trọng theo nguyện vọng của con, con muốn sống cùng với ai ông cũng đồng ý. Nếu mỗi người nuôi 01 con chung thì không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện PG tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu S đối với ông Nguyễn Trung H; về con chung: Giao con chung Nguyễn T, sinh ngày 03/10/2013 cho bà S nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Trúc H, sinh ngày 18/7/2006 cho ông H nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn mà bị đơn cư trú tại ấp 2A, xã PH, huyện PG, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện PG giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PG, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Trung H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu S và ông Nguyễn Trung H là những người có đủ điều kiện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PH, huyện PG, tỉnh Bình Dương vào ngày 20/01/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, không tôn trọng nhau, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, ông H thường hay ghen tuông vô cớ. Ông, bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 4/2019 cho đến nay. Ông H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là ông nghi ngờ bà S có quan hệ với người đàn ông khác nên ông có đánh bà S và bà S đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 4/2019 đến nay và từ đó ông, bà đã sống ly thân với nhau, ông H có nguyện vọng hai vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau, cùng nhau nuôi dạy con nên không đồng ý ly hôn.

[4] Tại Biên bản xác minh ngày 30/7/2019 đại diện chính quyền địa phương xã PH, huyện PG, tỉnh Bình Dương xác nhận mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn thì địa phương không nắm rõ do đương sự giải quyết nội bộ, không yêu cầu địa phương can thiệp.

[5] HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S và bị đơn ông Nguyễn Trung H đã trầm trọng. Tòa án nhiều lần mở phiên hòa giải nhằm hòa giải đoàn tụ cho ông bà, ông H muốn hàn gắn vợ chồng nhưng không có biện pháp nào để xây dựng gia đình hạnh phúc, bà S cũng không muốn quay về sống chung với ông H. Thêm vào đó, nguyên đơn và bị đơn hiện không còn sống chung với nhau. HĐXX xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn, bị đơn không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ nên HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn theo quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, bản sao giấy khai sinh, bản sao sổ hộ khẩu xác định nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Nguyễn Trú H, sinh ngày 18/7/2006 và Nguyễn T, sinh ngày 03/10/2013. Đối với con chung Nguyễn Trú H đã trên 07 tuổi nên tôn trọng theo nguyện vọng của con. Tại bản tự khai ngày 10/7/2019 con chung Nguyễn T có nguyện vọng sống cùng ông H, ông H đồng ý nuôi con và bà S cũng đồng ý để ông H nuôi con nên HĐXX ghi nhận. Đối với con chung Nguyễn Trú H thì cả ông H và bà S đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy, con chung Nguyễn Trú H còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ

nhiều hơn, đồng thời bà S có công việc, có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con nên HĐXX quyết định giao con chung Nguyễn Trúc H cho bà S nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên HĐXX ghi nhận.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX xem xét chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;
- Các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S đối với bị đơn ông Nguyễn Trung H về việc “Tranh chấp ly hôn”.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu S được ly hôn với ông Nguyễn Trung H.
2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn T, sinh ngày 03/10/2013 cho bà Nguyễn Thị Thu S trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Trúc H, sinh ngày 18/7/2006 cho ông Nguyễn Trung H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà S và ông H về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung của bà Nguyễn Thị Thu S và ông Nguyễn Trung H. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án AA/2016/0026368 ngày 25/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PG, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện PG;
- Chi cục THADS huyện PG;
- UBND xã PH, huyện PG, tỉnh Bình Dương, số 02, ngày 20/01/2006;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Khoa